

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận

2. Ông Hoàng Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Thanh M, sinh năm 1983

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1983

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1993

- Chị Lê Thị M1, sinh năm 1986

- Bà Phạm Thị P, sinh năm 1958.

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đều vắng mặt và có ý kiến đề nghị xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn

trình bày: Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn ngày 11/11/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thiếu tin tưởng nhau, chị H không quan tâm tới gia đình, không tôn trọng bố mẹ anh, từ đó anh chị thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 25/9/2010 và Lê Hoàng V, sinh ngày 16/6/2012. Hiện nay hai con đang ở với chị H. Khi ly hôn, anh xin nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Nếu chỉ được quyền lựa chọn nuôi một con thì anh xin nuôi con V, còn con D để chị H nuôi dưỡng, vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện nay anh lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000đ-10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày việc đăng ký kết hôn như anh M đã khai. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách đối lập nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau và hiện vợ chồng chị đã sống ly thân. Nay anh M xin ly hôn, chị xác định không còn tình cảm với anh M, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, nhưng chị không đồng ý ly hôn vì không muốn con cái thiếu thốn tình cảm của bố mẹ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, tên tuổi như anh M trình bày. Hiện nay 02 con chung đều đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị xin nuôi con D, con V để anh M nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện chị làm kế toán trưởng mầm non, thu nhập trung bình 6.000.000đ/tháng.

* Lời khai của cháu Lê Thị Ngọc D và cháu Lê Hoàng V đều có nguyện vọng xin ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

* Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của người dân tại nơi anh M, chị H sinh sống thể hiện: Vợ chồng anh M, chị H trong quá trình chung sống có nảy sinh mâu thuẫn và anh M, chị H đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Anh M, chị H đều đủ điều kiện nuôi con.

* Lời khai của người làm chứng là bà Phạm Thị P, chị Lê Thị M1, chị Nguyễn Thị D1 thể hiện: Trong quá trình chung sống, anh M, chị H nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế nên thường xuyên cãi nhau. Anh M, chị H đã

sống ly thân khoảng hai năm nay, mỗi người một nơi. Mâu thuẫn vợ chồng anh M đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Ngoài ra, bà P (là mẹ đẻ anh M) còn trình bày: Nếu anh M được nuôi con, bà sẽ hỗ trợ anh M chăm sóc, nuôi dạy con.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử anh M ly hôn chị H. Về con chung: Giao con là Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 25/9/2010 cho chị H nuôi dưỡng; giao con là Lê Hoàng V, sinh ngày 16/6/2012 cho anh M nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh M, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, những người làm chứng đều vắng mặt và trước đó họ đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh M, chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh M, chị H đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay anh M không còn tình cảm gì với chị H nên xin ly hôn chị H, chị H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra giải pháp gì để đoàn tụ vợ chồng. Mặt khác, bản thân chị H cũng xác định không còn tình cảm với anh M, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Lý do chị H không đồng ý ly hôn chỉ vì không muốn con cái thiếu thôn tình cảm của bố mẹ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa

anh M, chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử anh M ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng anh M, chị H có 02 con chung là Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 25/9/2010 và Lê Hoàng V, sinh ngày 16/6/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án, các con đều có nguyện vọng ở với bố. Tuy nhiên, HĐXX thấy anh M, chị H đều là người có việc làm và thu nhập; cả hai đều không bị kết án hay xử phạt về hành vi ngược đãi trẻ em nên anh M, chị H đều đủ điều kiện để nuôi con. Ngoài ra, theo Điều 71 của Luật Hôn nhân và gia đình, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Mặt khác, thu nhập của anh M không phải ở mức cao để có thể đồng thời nuôi dạy tốt cho cả hai con. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống và học tập tốt nhất cho con chung, cũng như đảm bảo quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dạy con của cha mẹ, cần giao cháu V cho anh M, giao cháu D cho chị H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung*: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết về quan hệ tài sản trong vụ án này.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Lê Thanh M ly hôn chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 25/9/2010 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Hoàng V, sinh ngày 16/6/2012 cho anh Lê Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh M, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Anh M, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Thanh M phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003698 ngày 10/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; anh M đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung